

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH PHÚ YÊN**

Bản án số: 10/2022/DSST

Ngày: 26-01-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH PHÚ YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tân Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Nguyễn Tấn Phát.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 144/2020/TLST-DS ngày 26/10/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021, quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 06/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 T, phường ..., thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn P, xã H, thị xã Đ, Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/03/2013, các tài liệu có tại hồ sơ, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày được tóm tắt như sau: Ngày 15/7/2010 nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có bán cho bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T 01 chiếc xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 232105, số khung 002105, bà T còn nợ lại số tiền 6.200.000 đồng, cam kết trả góp mỗi tháng 517.000 đồng, thời hạn góp 12 tháng theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 15/7/2010. Từ ngày 15/7/2010 cho đến nay bị đơn bà T chưa trả khoản tiền nào nên nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền nợ gốc 6.200.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng, tính từ ngày 15/7/2010 cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ).

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng qui định. Nguyên đơn chấp hành các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định pháp luật. Phát biểu ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 428, 438, 305 Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 6.200.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 15/7/2010 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ mua xe máy trả góp, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T có nơi cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên nhưng tại Điều 5 của Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 15/7/2010 các bên có thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân thành phố T để giải quyết tranh chấp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2013 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải trả số tiền nợ gốc mua xe là 6.200.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 15/7/2010 cho đến khi trả nợ xong. Tài liệu, chứng cứ bà S gửi kèm theo đơn khởi kiện là bản gốc Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 15/7/2010 có nội dung bị đơn bà T mua xe gắn máy hiệu Suvina, số máy 232105, số khung 002105, tính đến ngày 15/7/2010 bị đơn còn nợ lại tổng số tiền 6.200.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh về quyền sở hữu đối với xe gắn máy nêu trên nhưng bà S không cung cấp.

[3.2] Tại phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 26/10/2016 (*bút lục số 45*) của Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên cung cấp thông tin về chiếc xe bị đơn bà T mua có biển số 78M1-5892, số máy FAV1P52FMH36L232105, số khung RMNWCH5MN6H002105 do ông Lê Văn T đứng tên chủ sở hữu.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn T thừa nhận ông là nhân viên của nguyên đơn và được nguyên đơn ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe bán cho khách hàng, chứ không phải là chủ sở hữu của xe; Lời khai của ông T phù hợp với nội dung trong hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 15/7/2010, đủ cơ sở xác định: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Suvina, biển số 78M1-5892, số máy FAV1P52FMH36L232105, số khung RMNWCH5MN6H002105 do ông Lê Văn T đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe là tài sản của bà Hồ Thị Thanh S.

Ngày 15/7/2010 nguyên đơn bán chiếc xe mô tô biển số 78M1-5892 nêu trên cho bị đơn, tính đến ngày 15/7/2010 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền 6.200.000 đồng. Theo nguyên đơn trình bày từ đó cho đến nay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn được khoản nào. Bị đơn bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc trả nợ tiền cho bà S. Như vậy, bị đơn không trả tiền nợ cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã ký kết nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn nợ 6.200.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn: Theo Hợp đồng trả góp mua xe máy ngày 15/7/2010, các bên thỏa thuận lãi suất chậm trả bằng 2%/tháng. Như vậy, thỏa thuận về lãi suất của các bên vượt quá quy định pháp luật nên được điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% của mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố (theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 là 9%/năm). Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.125%/tháng trên số tiền chậm trả kể từ ngày chậm trả cho đến khi trả xong nợ là phù hợp nên chấp nhận. Tiền lãi chậm trả từ ngày 15/7/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/01/2022 là 11 năm 06 tháng 11 ngày x 6.200.000 đồng x

1.125%/tháng = 9.651.075 đồng. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 15.851.075 đồng.

[5] Khi bị đơn trả xong nợ và có yêu cầu chuyển quyền sở hữu đối với xe mô tô biển số 78M1-5892 thì nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn T phải thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu xe cho bị đơn. Lệ phí chuyển quyền sở hữu (sang tên và tiền thuế trước bạ lần 02 do bị đơn chịu).

Từ những căn cứ nêu trên nên chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, 227, 228, 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428, 431, 432, 438, 476 và 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tổng cộng số tiền 15.851.075 đồng (*mười lăm triệu tám trăm năm mươi một nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*) trong đó tiền gốc 6.200.000 đồng (*sáu triệu hai trăm nghìn đồng*), tiền lãi 9.651.075 đồng (*chín triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm bảy mươi lăm đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/01/2022) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí : Bị đơn bà Nguyễn Thị Mai T phải chịu 793.000 đồng (*bảy trăm chín mươi ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hồ Thị Thanh S số tiền tạm ứng án phí 155.000 đồng (*một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/10473 ngày 20/3/2013 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Tân Sang